Vai trò Phật giáo trong kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông

ISSN: 2734-9195 14:30 05/05/2026

Khi một truyền thống tôn giáo nói chung được nội tâm hóa sâu sắc trong cộng đồng toàn xã hội và được định hướng theo các giá trị nhân văn, có thể trở thành sức mạnh quốc gia, chứ không phải chỉ là chiều kích riêng của tín ngưỡng.

Tác giả: **NCS Nguyễn Tiến Cường**

Viện Trần Nhân Tông

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 05/2026

Tóm tắt:

Thời Trần (1226-1400) là giai đoạn Phật giáo đạt tới vị thế thượng phong trong đời sống tinh thần và chính trị Đại Việt, đồng thời cũng là thời kỳ dân tộc Việt ba lần kháng chiến thắng lợi trước quân xâm lược Nguyên - Mông.

*Dựa trên việc tổng hợp và phân tích các nguồn sử liệu và **Phật học** hiện có, bài viết tập trung luận giải vai trò của Phật giáo trong cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông ở ba bình diện chính: (1) Phật giáo như nền tảng tư tưởng trị quốc của nhà Trần; (2) Phật giáo như cơ chế cố kết và huy động sức mạnh toàn dân, được biểu hiện nổi bật qua Hội nghị Bình Than và Hội nghị Diên Hồng; (3) Phật giáo như nguồn lực đạo đức và tâm lý chiến đấu, góp phần tạo nên "hào khí Đông A".*

Từ khóa: Phật giáo thời Trần,; Thiền phái Trúc Lâm, chiến tranh Nguyên - Mông, hội nghị non sông, Bình Than, Diên Hồng, tư tưởng nhập thế, hộ quốc an dân.

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử Việt Nam trung đại, thế kỷ XIII đánh dấu bước ngoặt đặc biệt khi Đại Việt phải đối diện với ba cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Nguyên -

Mông (1258, 1285 và 1287-1288), một trong những thế lực quân sự hùng mạnh nhất thế giới thời bấy giờ. Những chiến thắng tại Đông Bộ Đầu, Hàm Tử, Chương Dương, Bạch Đằng... đã trở thành biểu tượng cho năng lực tổ chức, trí tuệ quân sự và ý chí độc lập của dân tộc. Nhiều công trình sử học đã phân tích khá sâu về chiến lược quân sự, nghệ thuật chỉ huy và sách lược ngoại giao của nhà Trần. Tuy nhiên, một trụ cột quan trọng khác của sức mạnh thời Trần là nền tảng tư tưởng - tinh thần, mà trong đó Phật giáo giữ vai trò nổi bật, vẫn còn chưa được khai thác một cách hệ thống tương xứng.



Đền Trần (Nam Định cũ) - Ảnh: Minh Khang

Trên cơ sở phương pháp lịch sử - phân tích kết hợp với tiếp cận tư tưởng học, bài viết tập trung lý giải ba vấn đề: (i) Phật giáo đã định hình nền tảng tư tưởng trị quốc của nhà Trần như thế nào trong bối cảnh chiến tranh; (ii) Phật giáo tham gia vào cơ chế cố kết và huy động sức mạnh toàn dân thông qua các thiết chế và sự kiện lịch sử cụ thể ra sao; (iii) Phật giáo đã đóng góp gì cho hệ giá trị đạo đức và tâm lý chiến đấu của quân dân Đại Việt.

Bài viết sử dụng hệ thống trích dẫn kiểu APA (author-year) và chủ yếu dựa trên nguồn tư liệu thứ cấp hiện có, bên cạnh việc đối chiếu với các mô tả kinh điển về Hội nghị Bình Than, Hội nghị Diên Hồng và các thiền phái thời Trần.

2. Bối cảnh lịch sử và vị thế của Phật giáo thời Trần

Nhà Trần lên nắm quyền đầu thế kỷ XIII trong bối cảnh tiếp nối truyền thống Phật giáo đã rất mạnh từ thời Lý. Nhiều sử liệu và nghiên cứu đều khẳng định

rằng Phật giáo thời Trần vẫn giữ vai trò trọng yếu trong đời sống tinh thần, được triều đình bảo trợ, chùa chiền được xây dựng rộng khắp, trở thành không gian thiêng của cộng đồng làng xã (Phật giáo Việt Nam, 2022; Phật giáo Bạc Liêu, 2018).

Trần Thái Tông (1218-1277) được xem là "ông vua thiền sư", với tác phẩm Khóa hư lục tập hợp nhiều bài viết về thiền học và đạo trị nước, chịu ảnh hưởng sâu sắc của kinh Kim Cang và tư tưởng Bát Nhã (Thích Thanh Từ, 1996; Thôn Minh Triết, 2022).

Trần Nhân Tông (1258-1308), sau khi lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông thắng lợi, ông xuất gia, tu hành tại Yên Tử và sáng lập Thiền phái Trúc Lâm - một dòng thiền thuần Việt, dung hợp ba dòng thiền lớn cùng truyền thống Nho - Đạo - Phật (Wikipedia, n.d.; Yên Tử Tùng Lâm, 2025).

Phật giáo thời Trần mang hai đặc điểm quan trọng. Thứ nhất, Phật giáo không tách rời khỏi trung tâm quyền lực chính trị, mà trở thành yếu tố cấu thành bản sắc trị quốc của triều đại. Thứ hai, Phật giáo thời Trần mang đậm màu sắc nhập thế, gắn với lý tưởng "hộ quốc an dân", trong đó trách nhiệm với quốc gia dân tộc được hiểu như một phần của con đường Bồ-tát hạnh (Tạp chí Nghiên cứu Phật học, 2025). Chính hai yếu tố này đã tạo nền tảng để Phật giáo đóng vai trò tích cực trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông.

3. Phật giáo nền tảng tư tưởng trị quốc trong bối cảnh chiến tranh

Một trong những biểu hiện rõ nhất của vai trò Phật giáo thời Trần là sự thẩm thấu của triết lý đạo Phật vào quan niệm trị quốc và xử lý quan hệ đối ngoại. Ở tầng sâu, có thể nhận diện ba trục tư tưởng chính: từ bi gắn với "hộ quốc an dân", trí tuệ Bát Nhã gắn với chiến lược "tùy duyên bất biến", và "vô ngã" gắn với mô hình "lãnh đạo chia sẻ" và "đại đoàn kết".

Trước hết, nguyên tắc từ bi trong Phật giáo, lòng thương xót và cứu khổ chúng sinh được chuyển hóa thành lý tưởng bảo vệ dân chúng và đất nước.

Chính lời khuyên của Quốc sư Trúc Lâm đối với một vị Phật tử - Trần Thái Tông: ''Dĩ thiên hạ chi dục vi dục, dĩ thiên hạ chi tâm vi tâm'' (Lấy muốn của thiên hạ làm muốn của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình) đã mở đầu và đặt cơ sở cho chủ nghĩa yêu nước thời Trần. Đó cũng chính là tư tưởng ''Dĩ chúng tâm vi kỷ tâm''.



Ảnh: Sưu tầm

“Theo tư tưởng này, con người hướng thiện bằng việc phục vụ nhân sinh, nhân quần xã hội và trong quá trình đó, tâm con người mở rộng, khai mở dần dần bao chứa tâm nhiều người từ hẹp đến rộng, từ nông đến sâu, từ gia đình, xóm, làng, xã, huyện, tỉnh đến quốc gia, thiên hạ. Càng trải rộng bao nhiêu thì càng đi dần đến giác ngộ bấy nhiêu.

Tinh thần “hộ quốc an dân” được nhiều tác giả hiện đại nhắc lại khi nói về **Phật giáo Lý - Trần**, nhấn mạnh rằng bảo vệ sự bình yên của quốc gia cũng chính là thực hành lý tưởng Bồ-tát (Tạp chí Nghiên cứu Phật học, 2025). Điều này lý giải vì sao nhà Trần có thể ứng xử linh hoạt trước sức ép của nhà Nguyên: cống nạp, bang giao, thậm chí tạm thời tỏ vẻ thần phục khi cần, nhằm trì hoãn chiến tranh và tránh đổ máu trong bối cảnh chưa đủ lực lượng. Trong logic từ bi, chiến tranh không bao giờ là lựa chọn ưu tiên nếu còn con đường hòa bình.

Tuy nhiên, từ bi không bị hiểu thành chủ trương nhân nhượng vô nguyên tắc. Khi chủ quyền và sinh mệnh cộng đồng bị đe dọa trực tiếp, từ bi chuyển hóa thành quyết tâm chiến đấu để bảo vệ dân chúng khỏi hiểm họa chiến tranh. Chính ở đây, chiến tranh kháng Nguyên - Mông được hiểu là chiến tranh chính nghĩa, hàm chứa nội dung đạo đức chứ không chỉ là phản ứng chính trị - quân sự. Việc triều đình quyết định phát động kháng chiến lần thứ hai sau Hội nghị Diên Hồng cho thấy nhà Trần đã đặt lợi ích căn bản của dân tộc lên trên mọi toan tính hòa hoãn ngắn hạn (Vietnamnet, 2021; Wikipedia, n.d.).

Thứ hai, tư tưởng Bát Nhã với hạt nhân là trí tuệ quán chiếu tính vô thường, vô ngã, duyên khởi… góp phần hình thành một kiểu “tỉnh thức chính trị” đặc trưng. Nhà Trần không ảo tưởng về sức mạnh tuyệt đối của mình, cũng không tuyệt

vọng trước tương quan lực lượng bất lợi.

Phật giáo ảnh hưởng đến chiến lược tâm lý - ngoại giao, các vua Trần dùng tinh thần "hòa hiếu" của Phật giáo trong chính sách ngoại giao mềm dẻo với nhà Nguyên để trì hoãn, "dĩ hòa vi quý" nhằm kéo dài thời gian chuẩn bị lực lượng. Thái độ ung dung, bình tĩnh, "vô uý" trước đe dọa của kẻ thù cũng là một yếu tố tâm lý quan trọng giúp ổn định tinh thần quân dân trong những lúc nước sôi lửa bỏng.

Từ lăng kính duyên khởi, mọi thế lực, dù hùng mạnh đến đâu, đều do các nhân duyên kết hợp mà thành, cũng có điểm yếu và giới hạn. Điều này giúp triều đình giữ được sự bình tĩnh và linh hoạt khi xây dựng chiến lược "lấy yếu chống mạnh": tránh các trận đánh tiêu hao trực diện, chủ động rút lui chiến lược, áp dụng kế "vườn không nhà trống" để làm suy kiệt hậu cần địch, rồi chọn thời cơ phản công quyết định.

Nghệ thuật quân sự thời Trần, được các nhà sử học hiện đại đánh giá cao, có thể được hiểu như sự kết hợp giữa kinh nghiệm thực tiễn và một nền tảng tư duy biện chứng được Phật giáo nuôi dưỡng (Vĩnh Phúc, 2011; Địa chí Nam Định, 2012).

Thứ ba, tinh thần vô ngã biểu hiện rõ trong mô hình "lưỡng đầu chế" và cách vận hành quyền lực của nhà Trần. Việc Thái thượng hoàng và hoàng đế đồng thời tham gia điều hành triều chính, nhất là trong các thời điểm kháng chiến, thể hiện một nỗ lực chia sẻ quyền lực và trách nhiệm, giảm thiểu nguy cơ độc đoán.

Sự gắn bó và phối hợp giữa Trần Thánh Tông – Trần Nhân Tông trong chỉ đạo hai cuộc kháng chiến 1285 và 1287-1288, coi đó là yếu tố quan trọng tạo nên sự nhất quán trong đường lối và tính liên tục của triều đại (Địa chí Nam Định, 2012; Tạp chí Nghiên cứu Phật học, 2025).

Từ góc nhìn Phật học, có thể thấy đây là một nỗ lực giảm "cái tôi" quyền lực, đặt lợi ích của quốc gia lên trên lợi ích của từng cá nhân, kể cả cá nhân hoàng đế.

4. Phật giáo và cơ chế cố kết, huy động sức mạnh toàn dân

Sức mạnh của Đại Việt trong kháng chiến chống Nguyên - Mông không chỉ nằm ở triều đình mà còn ở khả năng huy động và cố kết toàn xã hội.

Phật giáo thời Trần gắn bó chặt chẽ với đời sống, có vai trò quan trọng trong việc ổn định xã hội khi đất nước đối diện với nguy cơ xâm lược. Tinh thần "hộ quốc, an dân" của Phật giáo giúp nhân dân yên tâm sản xuất, đóng góp lương thực, nhân lực cho kháng chiến. Nhiều tăng ni, chùa chiền là nơi truyền bá tinh thần yêu nước, kêu gọi dân chúng đồng lòng, ủng hộ triều đình. Nhiều nhà sư trực tiếp tham gia kháng chiến, tham gia vận chuyển lương thảo, liên lạc, thậm chí trực tiếp chiến đấu chống quân xâm lược.

Hội nghị Bình Than (1282) là sự kiện tiêu biểu. Sử sách ghi nhận đây là hội nghị được tổ chức để nhà vua họp các vương hầu, quan lại, quý tộc, tướng lĩnh bàn kế giữ nước và phân công trấn giữ các khu vực trọng yếu khi nguy cơ xâm lược đã cận kề (Vĩnh Phúc, 2011; Nam Định, 2023).

Về hình thức bề mặt, đó là một hội nghị quân sự - chính trị; song nếu đặt trong bối cảnh tư tưởng thời Trần, có thể thấy tinh thần hòa hợp, vô ngã của Phật giáo đã giúp giảm thiểu xung đột lợi ích trong nội bộ hoàng tộc, tạo nên sự thống nhất ý chí trong tầng lớp lãnh đạo. Nhiều nhân vật tham dự hội nghị là những người được giáo dục trong môi trường văn hóa Phật giáo, chịu ảnh hưởng của các giá trị từ bi, khiêm cung, đặt đại nghĩa lên trên quyền lợi riêng.

Hội nghị Diên Hồng (1284) là bước phát triển tiếp theo, thể hiện tầm vóc của một "hội nghị non sông". Theo các mô tả phổ biến, hội nghị được tổ chức tại Thăng Long do Thượng hoàng Trần Thánh Tông triệu tập các bô lão trong cả nước, nhằm trưng cầu ý kiến về phương án "hòa hay chiến" trước cuộc xâm lược lần thứ hai của nhà Nguyên (Vietnamnet, 2021; Wikipedia, n.d.; Hoc247, n.d.). Dù sử sách chính thống ghi chép không nhiều chi tiết, sự kiện này đã được truyền thống lịch sử và văn hóa Việt Nam khắc họa như biểu tượng cho tinh thần dân chủ và đại đoàn kết toàn dân thời Trần.

Hội nghị Diên Hồng phản ánh sâu sắc nguyên tắc bình đẳng và tinh thần "đồng trần" của Phật giáo nhà Trần. Tư tưởng bình đẳng trong Khóa hư lục, nơi Trần Thái Tông nhấn mạnh rằng mọi chúng sinh đều có khả năng giác ngộ, đều có Phật tính có thể được xem là nền tảng tư tưởng sâu xa cho việc thừa nhận tiếng nói của các tầng lớp ngoài hoàng cung trong những quyết sách hệ trọng (Phật giáo Nam Định, 2024). Việc triều đình chính thức hỏi ý kiến bô lão không chỉ là động tác "lấy lòng dân", mà còn là sự thừa nhận rằng vận mệnh quốc gia phải được định đoạt trên cơ sở đồng thuận rộng rãi. Tiếng hô "Đánh!" được truyền tụng như đáp án chung của các bô lão, qua đó biểu đạt ý chí kháng chiến đã trở thành ý chí chung của cả cộng đồng quốc gia.

Ngoài hai hội nghị trên, mạng lưới chùa chiền và Thiền phái Trúc Lâm đóng vai trò là "hạ tầng tinh thần" cho cuộc kháng chiến. Từ cuối thế kỷ XIII, Thiền phái

Trúc Lâm do Trần Nhân Tông sáng lập đã tổ chức tương đối quy củ, với hệ thống thiền viện, thiền sư và đồ chúng trải khắp nhiều vùng đất Đại Việt (Wikipedia, n.d.; Giác Ngộ, 2025; Yên Tử Tùng Lâm, 2025). Các thiền sư, ngoài vai trò tôn giáo, còn là những trí thức, những nhà giáo dục và người có uy tín địa phương. Trong các giai đoạn chuẩn bị và tiến hành kháng chiến, mạng lưới này giúp truyền tải các thông điệp yêu nước, khích lệ tinh thần, đồng thời góp phần đảm bảo hậu cần, chăm sóc thương binh, hỗ trợ dân sinh ở những vùng bị chiến tranh tàn phá. Sự gắn bó chặt chẽ giữa chùa chiền và làng xã làm cho Phật giáo trở thành không gian quy tụ, lan tỏa tinh thần đoàn kết và ý chí tự cường.

Như vậy, Phật giáo thời Trần đã chỉ ra con đường cứu dân độ thế, trên đường này tâm con người ngày càng khai mở bao trùm thiên hạ, muôn loài, vạn pháp, tức đạt đến tâm Phật, tức giác ngộ. Điều này được Tuệ Trung Thượng sỹ - ngôi sao sáng chói trên nền trời Thiền học Việt Nam và cũng là thầy của Trần Nhân Tông - khái quát khá rõ: ''*Tâm của muôn loài tức Phật tâm*'' *(Vạn pháp chi tâm tức Phật tâm). Đi đến giác ngộ bằng cách như vậy, Phật giáo thời Trần đã mang trong mình tinh thần yêu nước. Không thể nói yêu nước thương dân mà lại không lấy nguyện vọng, mong muốn của dân làm nguyện vọng, mong muốn của mình. Ngược lại, đã là người yêu nước chân chính thì phải lấy nguyện vọng, mong muốn của dân làm nguyện vọng, mong muốn của mình... Chính quan điểm này đã dẫn Phật giáo thời Trần đến chủ nghĩa yêu nước chân chính”* (1). Chính chủ nghĩa yêu nước Phật giáo thời Trần là ngọn cờ tư tưởng giúp Đại Việt chiến thắng quân Nguyên Mông - đội quân mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ.

5. Phật giáo như nguồn lực đạo đức và sức mạnh tâm lý

Bên cạnh vai trò tư tưởng và tổ chức, Phật giáo còn cung cấp hệ giá trị đạo đức và tâm lý giúp quân dân Đại Việt đối diện với đế quốc Nguyên - Mông mà không rơi vào tâm lý sợ hãi, buông xuôi.

Trước hết, giáo lý vô úy, vô úy không phải là liều lĩnh mù quáng, mà là cảm thức không sợ hãi xuất phát từ niềm tin vào chính nghĩa và sự hiểu biết về vô thường. Khi chiến đấu để bảo vệ quê hương, người lính không chỉ bảo vệ đất đai hay quyền lợi triều đại, mà còn bảo vệ nền tảng đạo lý và không gian sinh tồn của cộng đồng, nơi Phật pháp và truyền thống dân tộc đã bén rễ. Tạp chí Nghiên cứu Phật học (2025) khi luận về “tinh thần hộ quốc an dân” thời Lý - Trần đã chỉ ra rằng chính niềm tin tôn giáo và đạo lý ấy giúp hạn chế tâm lý hoảng loạn trước sức mạnh quân sự của Nguyên - Mông, biến nỗi sợ thành ý chí kháng chiến.



Đền Kiếp Bạc (Hải Dương cũ) - Ảnh: Minh Khang

Hình tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông "cởi áo cà sa khoác chiến bào" là minh chứng tiêu biểu cho sự kết hợp giữa đạo và đời trong chiến tranh. Với tư cách hoàng đế, ông buộc phải đưa ra những quyết định cứng rắn, kể cả việc chấp nhận hy sinh lớn để đổi lấy thắng lợi chiến lược. Nhưng với tư cách một hành giả, ông không nuôi dưỡng hận thù và không đi tới bạo lực vô độ. Nhiều tài liệu và truyền thuyết dân gian mô tả ông là người khoan dung với tù binh và kẻ bại trận, đề cao việc sớm khôi phục trật tự và đời sống sau chiến tranh (Địa chí Nam Định, 2012; Tạp chí Nghiên cứu Phật học, 2025). Dù mức độ chính xác của một số chi tiết cần tiếp tục khảo cứu, việc cộng đồng lựa chọn ghi nhớ ông theo hình ảnh ấy đã cho thấy chuẩn mực đạo đức lý tưởng mà xã hội thời Trần hướng tới.

Đối với đội ngũ tướng lĩnh và binh sĩ, Phật giáo góp phần tạo dựng những chuẩn mực ứng xử giữa tướng - quân - dân. Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, với Hịch tướng sĩ, đã kêu gọi tướng sĩ không chỉ bằng lý lẽ chính trị mà còn bằng ngôn ngữ đạo đức, nhấn mạnh trách nhiệm, lòng trung hiếu và sự xấu hổ nếu không hoàn thành nghĩa vụ. Mặc dù Hịch tướng sĩ mang màu sắc Nho giáo khá đậm, nhưng bối cảnh văn hóa Phật giáo phổ biến thời Trần tạo nên một nền tảng tiếp nhận, trong đó các giá trị như từ bi, nhân ái, khiêm cung, tôn trọng sinh mạng con người cũng góp phần hạn chế bạo lực vô nghĩa, tránh làm suy yếu hậu thuẫn của dân.

Sau chiến tranh, chính sách khoan dung và "khoan thư sức dân" của nhà Trần càng làm rõ hơn ảnh hưởng của đạo lý Phật giáo. Việc không tổ chức các cuộc trả thù rộng khắp, không biến chiến thắng thành cớ để trấn áp những người từng lầm đường, cho thấy triều đình đặt việc ổn định lâu dài lên trước tâm lý báo thù. Đây là một lựa chọn chính trị hợp lý, nhưng cũng phản ánh lãnh đạo thời Trần đã nội tâm hóa sâu sắc tinh thần hiếu sinh và hòa giải. Chính sách đó giúp xã hội nhanh chóng hồi phục sau chiến tranh, tạo điều kiện cho kinh tế - văn hóa tiếp tục phát triển, đồng thời củng cố niềm tin của dân chúng vào triều đại.

6. Tính đặc thù của mô hình Phật giáo nhập thế thời Trần

Từ những phân tích trên, có thể đặt vấn đề rộng hơn: mô hình Phật giáo nhập thế thời Trần mang những nét đặc thù nào trong tương quan với các mô hình tôn giáo - chính trị khác?

Thứ nhất, so với một số truyền thống nơi tôn giáo tách tương đối khỏi chính trị, Phật giáo thời Trần cho thấy mức độ đan xen khá cao. Các vua Trần vừa là nguyên thủ quốc gia, vừa là tác giả Phật học, thậm chí là Tổ sư một thiền phái (Trần Nhân Tông). Điều này làm mờ ranh giới giữa "Phật giáo triều đình" và "Phật giáo dân gian", tạo nên một không gian tinh thần tương đối thống nhất từ thượng tầng đến hạ tầng xã hội. Tuy nhiên, chính sự đan xen này cũng tiềm ẩn nguy cơ lệ thuộc Phật giáo vào quyền lực chính trị. Điểm đặc sắc của thời Trần là đã giữ được thế cân bằng, trong đó Phật giáo không bị công cụ hóa một chiều, mà còn có khả năng phê phán, điều chỉnh đạo đức đối với chính quyền thông qua các chuẩn mực từ bi, vô ngã, hiếu sinh.

Thứ hai, so với một số mô hình "Phật giáo nhà nước" ở các quốc gia khác, Phật giáo thời Trần mang đậm bản sắc dân tộc. Thiền phái Trúc Lâm không đơn thuần sao chép các dòng thiền Trung Hoa, mà chủ động dung hợp với truyền thống bản địa, tạo ra dòng thiền "thuần Việt" gắn chặt với không gian Yên Tử và lịch sử kháng chiến Đại Việt (Wikipedia, n.d.; Giác Ngộ, 2025; Yên Tử Tùng Lâm, 2025). Tư tưởng "đồng trần", "hòa quang đồng trần" phản ánh nhu cầu tham dự tích cực vào đời sống xã hội, thậm chí chấp nhận "nhập thế" ở mức cao, thay vì lui về ẩn dật.

Thứ ba, đối với khoa học chính trị và nghiên cứu an ninh – quốc phòng, kinh nghiệm thời Trần gợi mở rằng một hệ tư tưởng tôn giáo nếu được định hướng theo các giá trị nhân văn như từ bi, trí tuệ và hòa hợp, có thể trở thành nguồn lực mềm quan trọng cho an ninh quốc gia. Phật giáo thời Trần đã hỗ trợ xây

dựng tính chính danh cho chiến tranh phòng vệ, huy động sức mạnh của "chiến tranh nhân dân", củng cố tinh thần và tạo khung đạo đức hạn chế bạo lực vượt quá giới hạn. Trong bối cảnh hiện nay, khi các xung đột vẫn tiếp diễn trên thế giới, bài học về cách tích hợp giá trị tôn giáo vào nền tảng đạo đức của quốc gia theo hướng hòa bình, nhân bản vẫn mang ý nghĩa tham chiếu hữu ích.

Sau ba lần thắng quân Nguyên Mông oanh liệt, khí thế đất nước, tinh thần dân tộc được thổi bùng lên mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Sau khi giành thắng lợi cuối cùng trong cuộc kháng Nguyên năm 1288, đến năm 1293, Trần Nhân Tông nhường ngôi cho Trần Anh Tông, lui về làm Thái thượng hoàng nhưng vẫn tham gia điều hành triều chính một thời gian. Trong những năm tiếp theo, Ngài dần rời xa chính sự, chuyên tâm tu tập và đào sâu Phật học vốn đã được hun đúc từ trước. Đến tháng 8 năm 1299, Ngài lên Yên Tử xuất gia, từ đó hệ thống hóa và phát triển thành Thiền phái Trúc Lâm mang đậm bản sắc Việt Nam. Sự xuất hiện của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã đánh dấu bước hoàn tất của những chiến công vang dội ở bến Chương Dương, cửa Hàm tử, sông Bạch Đằng (2).

Tư tưởng quản trị quốc gia trên nền tảng của tinh thần Phật giáo yêu nước được thể hiện đặc sắc và rõ nét:

"Đạo đức ngự cung điện

Nhân quả sống trong dân

Gươm đao không dùng đến

Yên vui khắp xa gần".

7. Kết luận

Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông dưới triều Trần là một sự kiện mang tính bước ngoặt trong lịch sử Việt Nam, không chỉ vì quy mô đối đầu với một đế quốc quân sự hùng mạnh mà còn vì cách Đại Việt đã huy động toàn bộ nguồn lực, kết nối sức mạnh tinh thần. Trong tổng thể nguồn lực ấy, Phật giáo giữ một vị trí đặc biệt.

Qua việc khảo sát bối cảnh lịch sử, phân tích các trục tư tưởng chủ đạo và xem xét các sự kiện tiêu biểu như Hội nghị Bình Than, Hội nghị Diên Hồng, sự hình thành Thiền phái Trúc Lâm...cho thấy Phật giáo thời Trần đã đảm nhiệm đồng thời ba vai trò then chốt. Thứ nhất, Phật giáo là nền tảng tư tưởng trị quốc, định hình quan niệm "hộ quốc an dân", cách tiếp cận chiến tranh như một hành vi chính nghĩa khi mọi con đường hòa bình đã bế tắc, đồng thời cung cấp khung nhận thức "tùy duyên bất biến" cho các quyết sách chiến lược linh hoạt mà kiên

định. Thứ hai, Phật giáo là cơ chế cố kết và huy động sức mạnh toàn dân, thông qua các thiết chế chính trị mang tính tham vấn như Bình Than, Diên Hồng, và qua mạng lưới chùa chiền, thiền phái gắn bó mật thiết với cộng đồng làng xã. Thứ ba, Phật giáo là nguồn lực đạo đức và tâm lý chiến đấu, với các giá trị vô úy, từ bi, hiếu sinh góp phần thúc đẩy tinh thần chiến đấu mà không dẫn đến bạo lực cực đoan, đồng thời tạo nền tảng cho chính sách hậu chiến khoan dung và ổn định lâu dài.

Từ trường hợp Phật giáo thời Trần, có thể rút ra nhận định tổng quát: khi một truyền thống tôn giáo nói chung được nội tâm hóa sâu sắc trong cộng đồng toàn xã hội và được định hướng theo các giá trị nhân văn, có thể trở thành sức mạnh quốc gia, chứ không phải chỉ là chiều kích riêng của tín ngưỡng. Nghiên cứu sâu hơn về mối quan hệ giữa Phật giáo và nhà nước trong lịch sử Việt Nam - không chỉ thời Trần mà cả các thời kỳ sau sẽ tiếp tục cung cấp những gợi ý quan trọng cho việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội đương đại theo hướng hòa hợp, nhân bản và bền vững.

Tác giả: **NCS Nguyễn Tiến Cường -** *Viện Trần Nhân Tông*

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 05/2026

***

Chú thích:

(1) GS.TS. Nguyễn Hùng Hậu. Minh triết Phật giáo Việt Nam và một số vấn đề triết học Phật giáo đương đại. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 2024, tr. 269-270

(2) Xem GS.TS. Nguyễn Hùng Hậu. Minh triết Phật giáo Việt Nam và một số vấn đề triết học Phật giáo đương đại. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 2024, tr. 134-136

Tư liệu tham khảo:

1] GS.TS. Nguyễn Hùng Hậu. Minh triết Phật giáo Việt Nam và một số vấn đề triết học Phật giáo đương đại. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 2024

2] Ban Tôn giáo Chính phủ. (2022). Tư tưởng "đồng trần" của Phật giáo nhà Trần, nhìn từ mối quan hệ giữa các tướng lĩnh chủ chốt.Cổng thông tin

3] Địa chí Nam Định. (2012). Hành cung Thiên Trường trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông. Báo Nam Định. baoninhbinh.org.vn

4] Giác Ngộ. (2024). Hình ảnh con người giác ngộ giải thoát trong tác phẩm Khóa hư lục của Trần Thái Tông. Nguyệt san Giác Ngộ. Giác Ngộ Online

5] Giác Ngộ. (2025). Thiền Trúc Lâm Yên Tử – Dòng thiền Việt Nam. Nguyệt san Giác Ngộ.Giác Ngộ Online

6] Phật giáo Bạc Liêu. (2018). Vài nét về Phật giáo thời Trần.Phật Giáo Bạc Liêu

7] Phật giáo Nam Định. (2024). Tìm hiểu tư tưởng bình đẳng của Phật giáo qua tác phẩm Khóa hư lục.phatgiaonamdinh.vn

8] Phật giáo Việt Nam. (2022). Phật giáo và những ảnh hưởng của Phật giáo dưới thời Trần. Phật giáo Việt Nam

9] Tạp chí Nghiên cứu Phật học. (2025). Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến và tinh thần hộ quốc an dân.Tạp Chí Nghiên Cứu Phật Học

10] Thích Thanh Từ. (1996). Khóa Hư Lục giảng giải. Hoa Sen.Thư Viện Hoa Sen

11] Thôn Minh Triết. (2022). Tư tưởng Phật giáo trong Khóa hư lục của Trần Thái Tông.thonminhtriet.com

12] Vĩnh Phúc. (2011). Kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông. Cổng thông tin tỉnh Vĩnh Phúc. Tỉnh Vĩnh Phúc

13] Vietnamnet. (2021). Tìm hiểu truyền thống giữ nước: Hội nghị Bình Than, Hội nghị Diên Hồng.VietNamNet News

14] Yên Tử Tùng Lâm. (2025). Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - Lịch sử hình thành và phát triển